TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2023/QĐST-DS	*Phú Mỹ, ngày 29 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm: 1961 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: 170 đường ĐL, khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lý A D, sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp X2, xã Y2, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Diện tích đất tranh chấp 2,8 m^2 thuộc thửa 270; diện tích 17,0 m^2 thuộc thửa 269; diện tích 34,9 m^2 thuộc thửa 268; diện tích 30,3 m^2 thuộc thửa 267; diện tích 25,9 m^2 thuộc thửa 266; diện tích 31,7 m^2 thuộc thửa 265; diện tích 34,5 m^2 thuộc thửa 264 và diện tích 19,7 m^2 thuộc thửa 263 tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 10 xã Sông Xoài thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Trần Văn N, bà Trần Thị Đ. Vị trí diện tích đất tranh chấp được xác định vị trí và mốc giới tại các điểm 35a, 4, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 44, 45, 46, 47, 48, 49 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56 và 34 theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác nhận ngày 27/4/2023

- Ông Lý A D bà Hoàng Thị Th đồng ý trả lại quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 2,8 m^2 thuộc thửa 270 được xác định vị trí và mốc giới tại các điểm 43a, 43, 42, 26, 25; trả lại 17,0 m^2 thuộc thửa 269 được xác định vị trí và mốc giới tại các điểm 42, 41, 27, 26; trả lại 34,9 m^2 thuộc thửa 268 được xác định vị trí và mốc giới tại các điểm 41, 40, 28, 27; trả lại 30,3 m^2 thuộc thửa 267 được

xác định vị trí và mốc giới tại các điểm 40, 39, 29, 28, trả lại 25,9 m^2 thuộc thửa 266 được xác định vị trí và mốc giới tại các điểm 39, 38, 30, 29 thuộc tờ bản đồ số 10 xã Sông Xoài theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác nhận ngày 27/4/2023.

- Bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn N đồng ý giao cho ông Lý A D, bà Hoàng Thị Th toàn quyền sử dụng quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 31,7 m^2 thuộc thửa 265 được xác định vị trí và mốc giới tại các điểm 38, 36, 31, 30, diện tích 34,5 m^2 thuộc thửa 264 được xác định vị trí và mốc giới tại các điểm 36, 35, 32, 31 và diện tích 19,7 m^2 thuộc thửa 263 được xác định vị trí và mốc giới tại các điểm 35, 35a, 33, 32 đều thuộc tờ bản đồ số 10 xã Sông Xoài, theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác nhận ngày 27/4/2023.

Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh biến động diện tích theo quy định.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ tài sản, sao lục hồ sơ và cắm mốc là 30.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận mỗi bên phải chịu 1 nửa chi phí. Ông N, bà Đ đã đóng tạm ứng toàn bộ số tiền này. Ông D, bà Th có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông N bà Đ số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn N tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006748 ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn N 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Liên